TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.
2. Ông Nguyễn Văn Miên

***- Thư kTh phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư kTh Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lTh số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX- ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **LTh Văn T**, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 14, xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 14, xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh LTh Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc Th xây dựng hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 14/6/2007 đăng kTh kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống anh và chị Th có 03 con chung tên là 03 con chung tên là LTh Như TH, sinh ngày 31/12/2005, LTh Ngọc TH, sinh ngày 31/12/2009; LTh Đại Ti, sinh ngày 19/11/2015 đang sống với chị Th. Vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có

cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng anh sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay; trong thời gian ly thân vợ chồng anh không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự xây dựng cuộc sống riêng của mình. Nay, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Th; giao 03 con chung tên là LTh Như TH, sinh ngày 31/12/2005, LTh Ngọc TH, sinh ngày 31/12/2009; LTh Đại Ti, sinh ngày 19/11/2015 cho chị Th nuôi. Ngoài ra, anh không còn Th kiến trình bày gì thêm.

Bị đơn là chị Nguyễn Ngọc Th trình bày: Chị thống nhất Th kiến trình bày của anh LTh Văn T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng chị có nợ của các chủ nợ cùng địa chỉ ấp 14, xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu như sau: nợ chị G số tiền 600.000.000 đồng, nợ chị H số tiền 300.000.000 đồng; nợ chị Tr số tiền 300.000.000 đồng; nợ chị L số tiền 450.000.000 đồng (Họ tên cụ thể những người này chị không biết). Trước yêu cầu của anh T thì chị không đồng Th ly hôn với anh T nên các vấn đề khác chị cũng không đồng Th; Trường hợp Tòa án giải quyết vợ chồng chị ly hôn thì chị đồng Th tiếp tục nuôi 03 con chung và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu anh T cùng trả nợ chung cho chị G 600.000.000 đồng, chị H 300.000.000 đồng, chị Tr 300.000.000 đồng, chị L 450.000.000 đồng theo hướng mỗi người trả một nữa. Ngoài ra, chị không còn Th kiến trình bày gì thêm.

TH kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lTh đến khi xét xử vụ án, những người Ti hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh LTh Văn T đối với chị Nguyễn Ngọc Th; giao 03 con chung là cháu LTh Như TH, sinh ngày 31/12/2005, LTh Ngọc TH, sinh ngày 31/12/2009; LTh Đại Ti, sinh ngày 19/11/2015 cho chị Th nuôi; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của chị Th về việc trả nợ chung cho chị G 600.000.000 đồng, chị H 300.000.000 đồng, chị Tr 300.000.000 đồng, chị L 450.000.000 đồng; do chị Th không cung cấp được họ tên đầy đủ của các chủ nợ nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Về án phí anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là anh LTh Văn T và bị đơn là chị Nguyễn Ngọc Th theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh LTh Văn T và chị Nguyễn Ngọc Th xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng kTh kết hôn nên hôn nhân giữa anh T, chị Th là hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh T và chị Th không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng T, chị Th sống ly thân khoảng 02 năm nay và trong thời gian sống ly thân đến nay anh T, chị Th không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân. Về phía chị Th không đồng Th ly hôn với anh T, nhưng không có biện pháp thực tế nào để khắc phục tình trạng hôn nhân; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã dành nhiều thời gian cho anh T, chị Th hàn gắn quan hệ hôn nhân, nhưng anh T vẫn có thái độ cương quyết ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị Th mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Th.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị Th có 03 con chung là cháu LTh Như TH, sinh ngày 31/12/2005, LTh Ngọc TH, sinh ngày 31/12/2009; LTh Đại Ti, sinh ngày 19/11/2015 đang sống với chị Th. Khi tòa cho ly hôn chị Th đồng Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung, đồng thời cháu Lê Ngọc TH, Lê Như TH cũng có nguyện vọng sống với chị Th. Phía anh T đồng Th giao 03 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi sự thỏa thuận của anh T và chị Th về việc chị Th là người trực tiếp nuôi cháu LTh Như TH, LTh Ngọc TH, LTh Đại Ti, sau khi ly hôn; ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Lê Như TH 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc TH 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc TH 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/10/2018). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị Th thống nhất xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị Th xác định chị và anh T có nợ của các chủ nợ cùng địa chỉ ấp 14, xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu như sau: nợ chị G số tiền 600.000.000 đồng, nợ chị H số tiền 300.000.000 đồng; nợ chị Tr số tiền 300.000.000 đồng; nợ chị L số tiền 450.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh T cùng trả.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu chị Th cung cấp họ tên đầy đủ của các chủ nợ để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, tuy nhiên chị Th không cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án; đồng thời Tòa án cũng Ti hành xác minh tại địa phương về các chủ nợ theo trình bày của chị Th, kết quả xác minh xác định không có đương sự tên G, L, Tr H. Do đó, yêu cầu chị Th không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; trường hợp phát sinh tranh chấp về sau thì các chủ nợ sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, khoản 1 Điều 116, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lTh và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh LTh Văn T đối với chị Nguyễn Ngọc Th.

2. Về quan hệ con chung: Anh T và chị Th có 03 con chung là cháu LTh Như TH, sinh ngày 31/12/2005, LTh Ngọc TH, sinh ngày 31/12/2009; LTh Đại Ti, sinh ngày 19/11/2015 đang sống với chị Th. Khi tòa cho ly hôn chị Th đồng Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung, đồng thời cháu Lê Ngọc TH, Lê Như TH cũng có nguyện vọng sống với chị Th. Phía anh T đồng Th giao 03 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi sự thỏa thuận của anh T và chị Th về việc chị Th là người trực tiếp nuôi cháu LTh Như TH, LTh Ngọc TH, LTh Đại Ti, sau khi ly hôn; ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Lê Như TH 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc TH 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc TH 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/10/2018). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự không có giá ngạch (án phí cấp dưỡng) là 300.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Anh T

đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003978 ngày 13/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HB, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện HB;
- Ủy ban nhân dân xã VMB;
- Chi cục THADS huyện HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Nam